

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **71/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 15- 7 -2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toàn– Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXX - ST ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, thị xã E, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tới giữa năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể

tiếp tục chung sống nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L và anh T có một người con chung là cháu Đinh Ngọc Thiên A, sinh ngày 27/9/2018. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu An cho đến khi cháu thành niên; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị L cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2018 ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu gia đình của chị L, anh T; bản sao giấy khai sinh của cháu An. Ngoài ra, chị L không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Đinh Văn T trình bày: Anh T và chị L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng từ khi anh T phải chấp hành án thì anh T và chị L không sống chung với nhau nữa. Tuy nhiên, nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh T có một người con chung là cháu Đinh Ngọc Thiên A, sinh ngày 27/9/2018. Nay ly hôn anh T đồng ý giao cháu An cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt vì nguyên đơn, bị đơn đều đã có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Kim L; về con chung, giao cháu Đinh Ngọc Thiên A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu An thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng; về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đinh Văn T. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh

vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Kim L và anh Đinh Văn T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2018 ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã được chị L cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời trình bày của chị L thì sau khi kết hôn đến giữa năm 2020 thì vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù anh T xác định quá trình chung sống giữa anh T và chị L không có mâu thuẫn nhưng chị L yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có một người con chung là cháu Đinh Ngọc Thiên A, sinh ngày 27/9/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh T thống nhất giao An cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị L và anh T.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim L về việc ly hôn. Chị L được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Thiên A, sinh ngày 27/9/2018 cho chị Hoàng Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000368 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã , thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào